CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Dược phẩm OPC

Ngày 28/06/2024	24,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.5%	**10.8%**	**12.2%**

DT thuần
Q2/24
219
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.00| -0.9%
YoY: ▼45.0| -17.1%

LN thuần
Q2/24
33.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.20| -19.6%
YoY: ▼13.3| -28.4%

LN sau thuế
Q2/24
28.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.30| -16.0%
YoY: ▼9.30| -24.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
15.4%
YoY: +/-▼ 3.6%

ROE (TTM)
Q2/24
14.0%
YoY: +/-▼ 0.4%

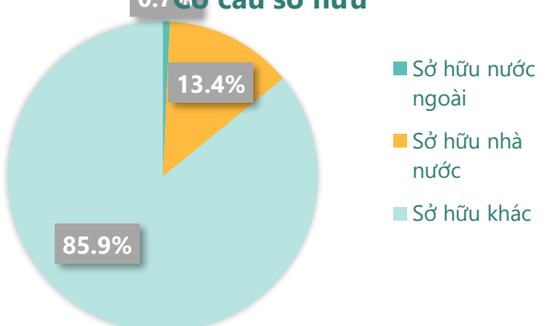
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	21,077 - 24,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,569
Số lượng CPLH (CP)	64,050,892
KLGD BQ 20 phiên (CP)	138,696
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	(0.05)
EPS	1,811
P/E	13.5

DT thuần
6T 2024
440
tỷ VNĐ
YoY: ▼22.0| -4.8%

LN thuần
6T 2024
75.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.20| -9.8%

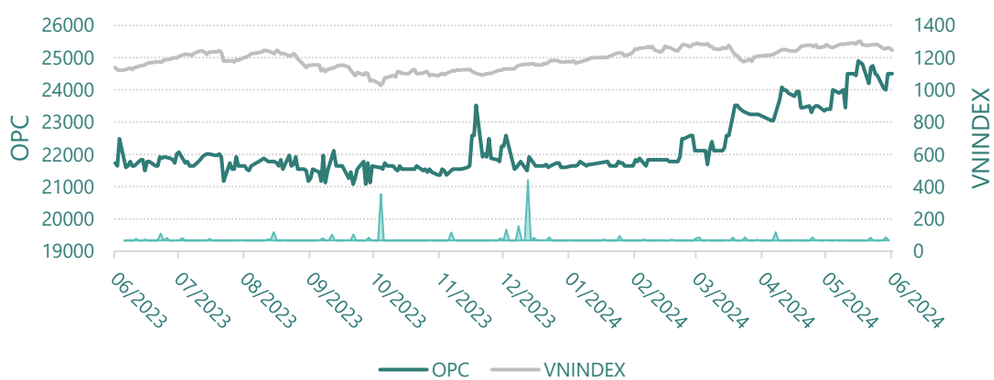
LN sau thuế
6T 2024
61.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.10| -7.6%

Cơ cấu sở hữu

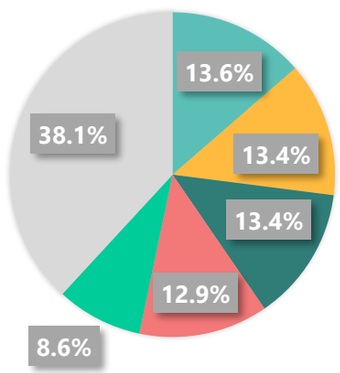


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

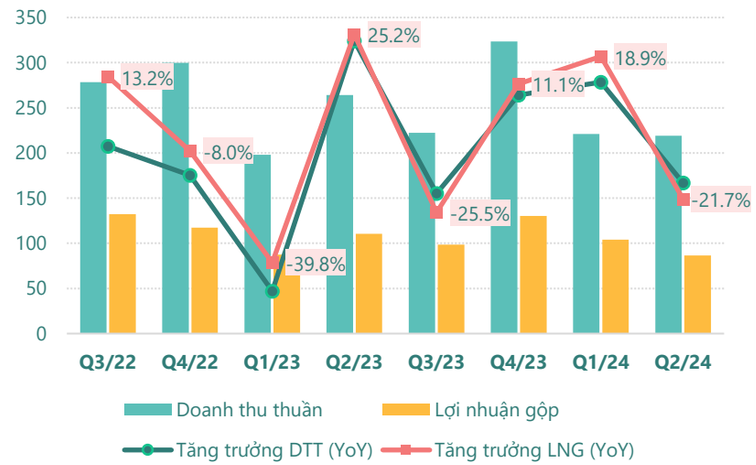


- Trịnh Xuân Vương (Thành viên HĐQT)
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP
- Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI
- CTCP Pacific Partners
- Norges Bank
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

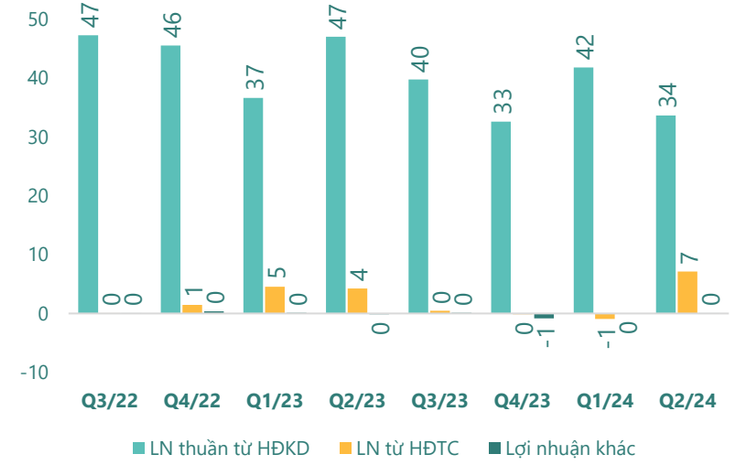
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



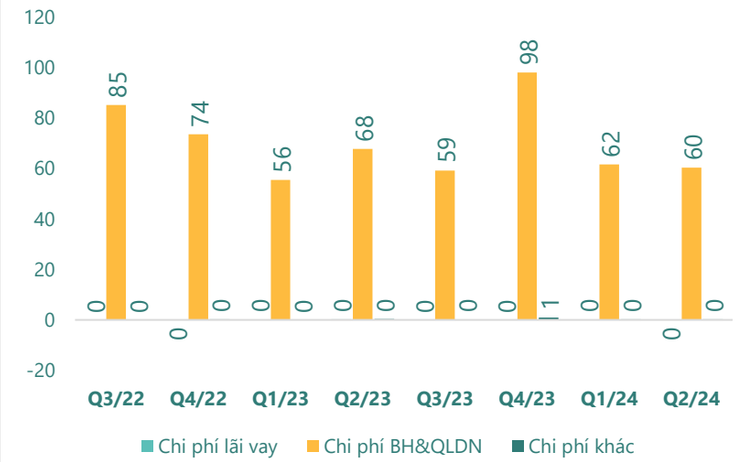
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



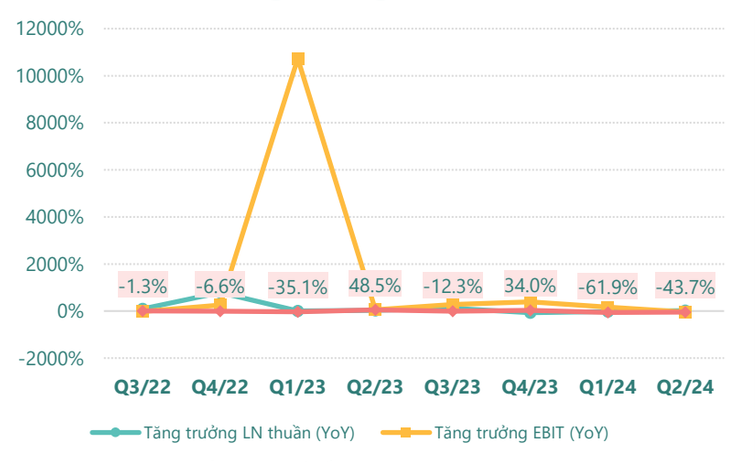
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



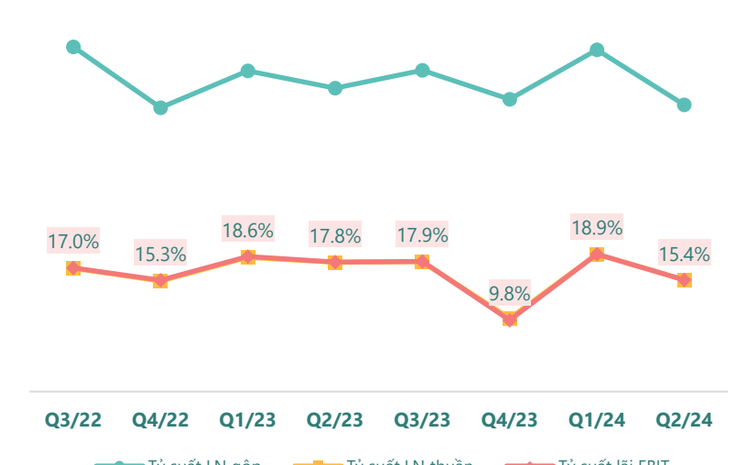
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



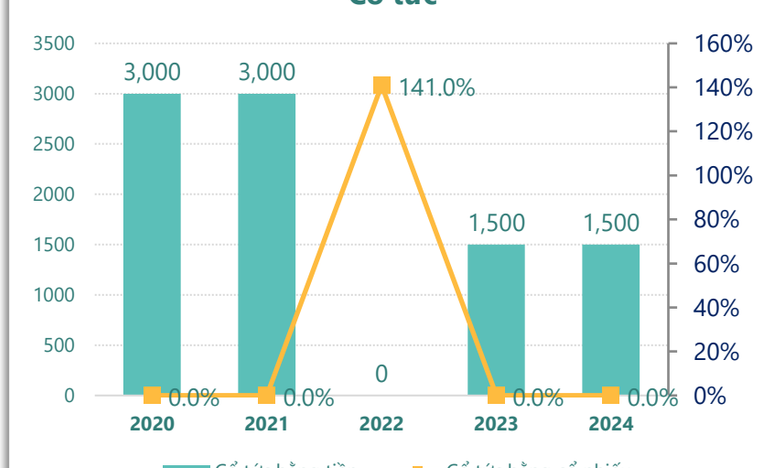
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

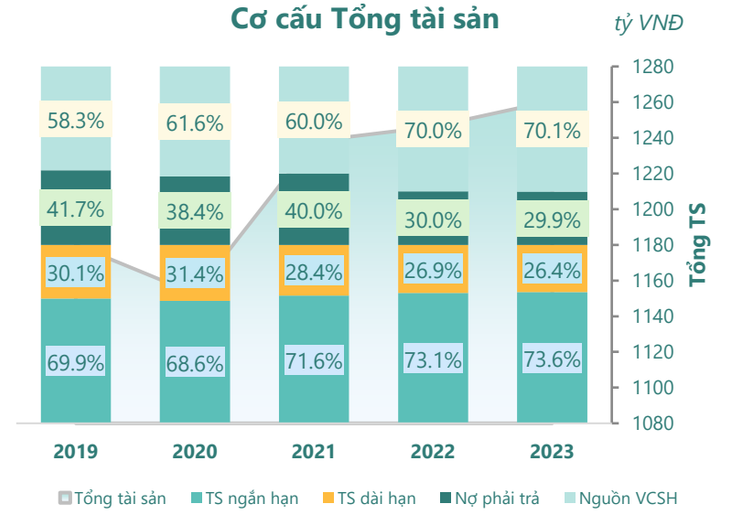
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

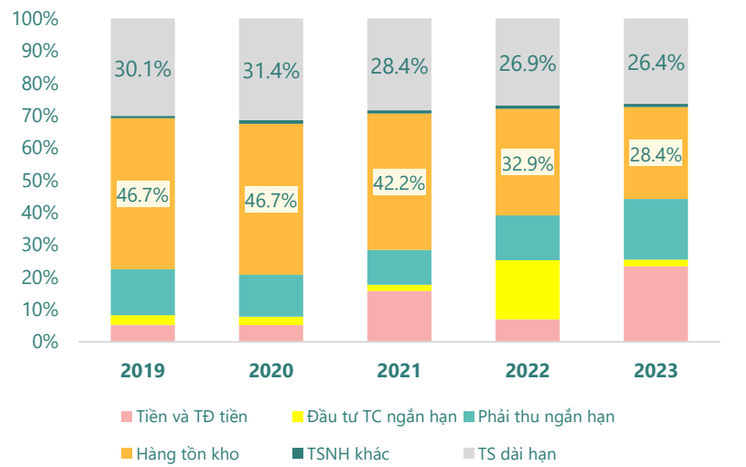
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



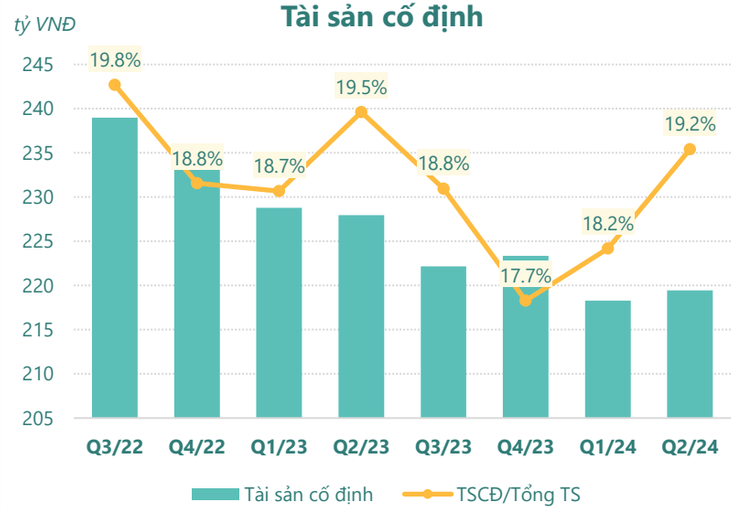
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



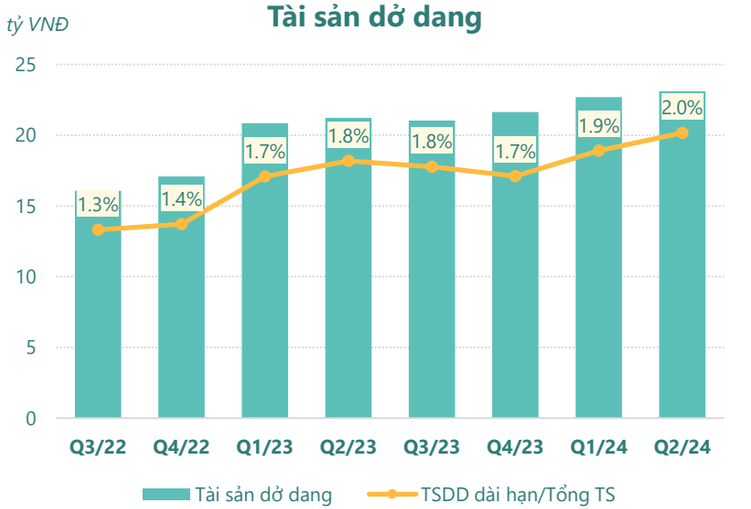
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



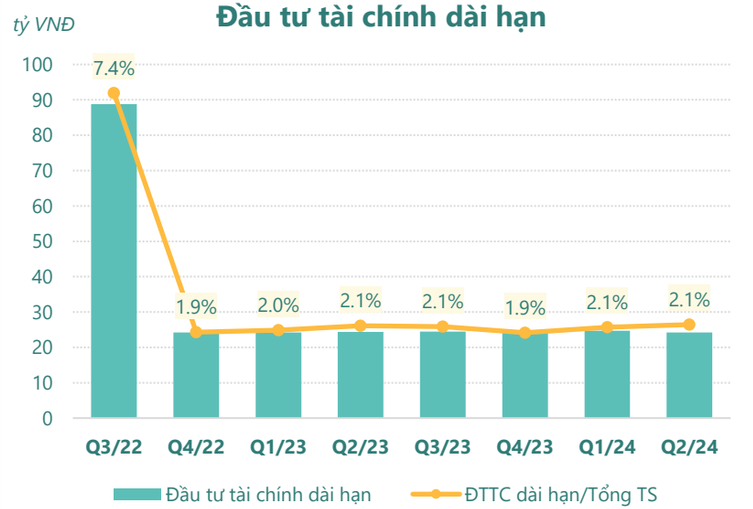
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



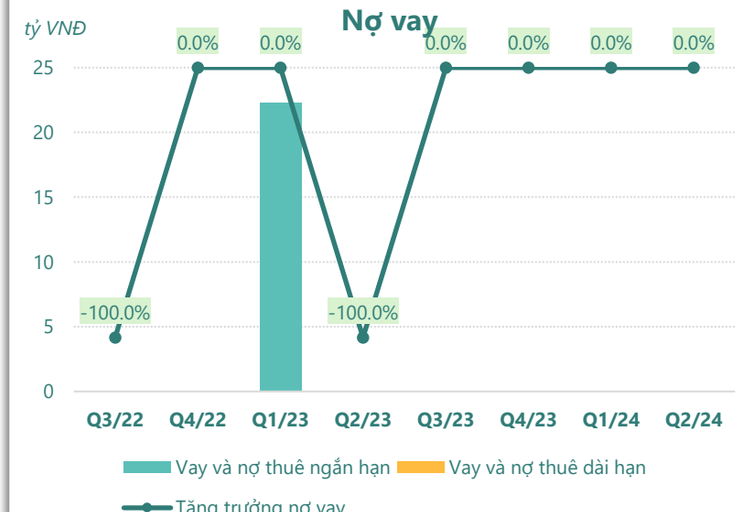
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

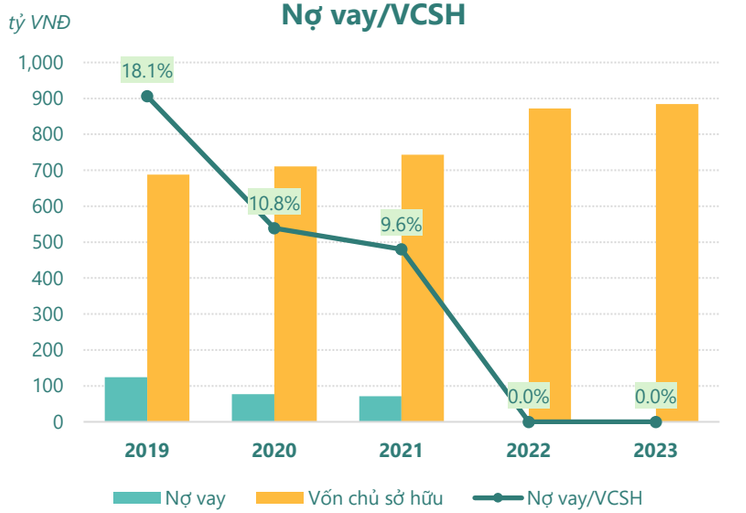
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

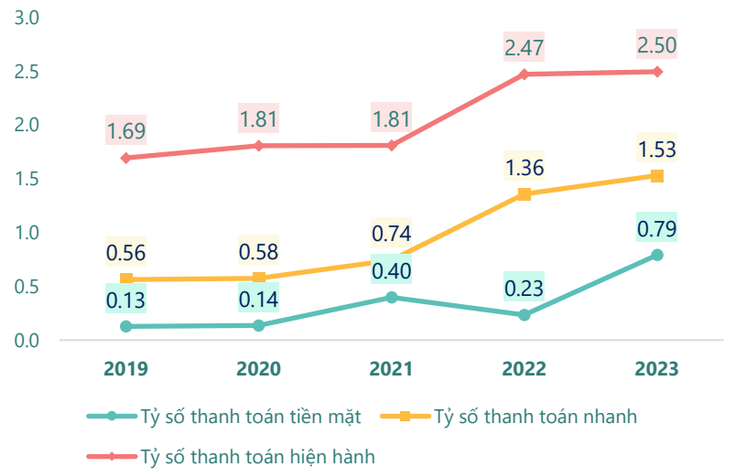
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



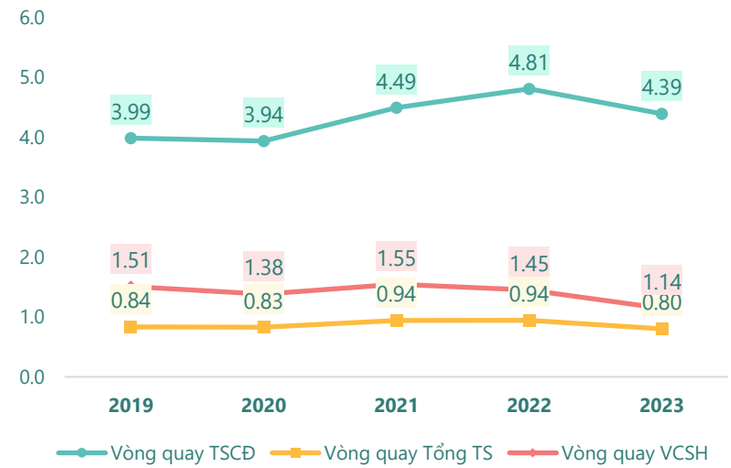
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



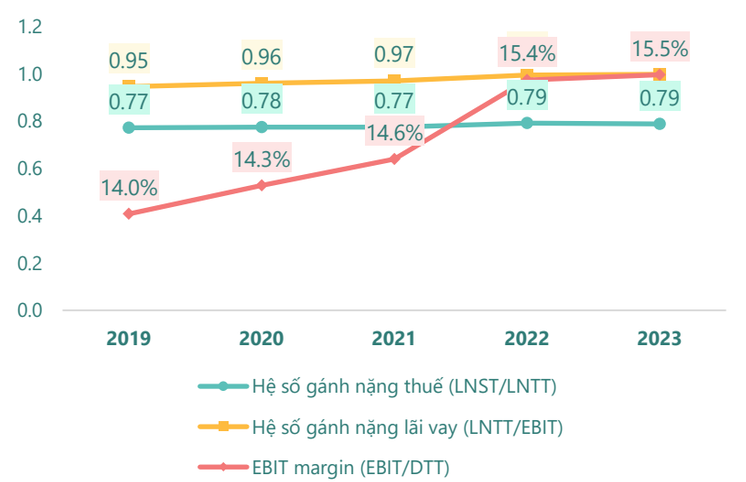
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



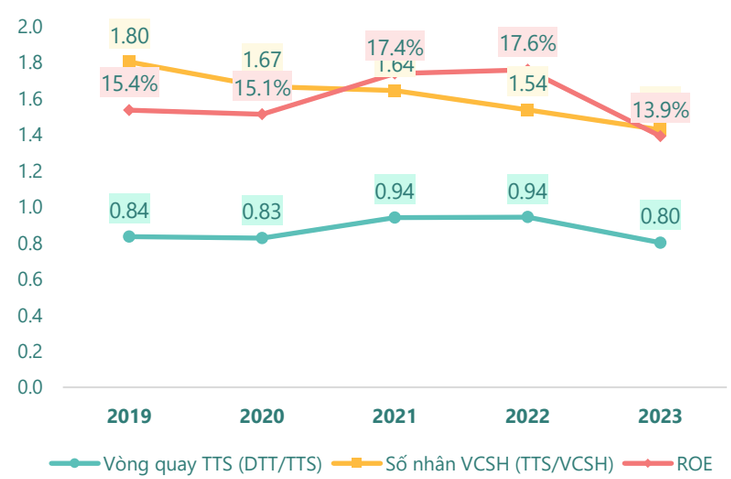
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



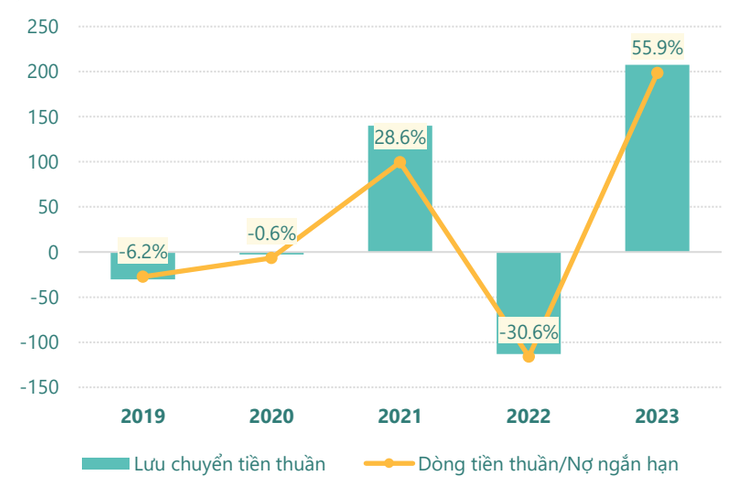
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**219**	**264**	**-17.1%**	**440**	**462**	**-4.8%**
Giá vốn hàng bán	132	154	-14.0%	249	264	-5.6%
Lợi nhuận gộp	86.5	110	-21.3%	191	198	-3.7%
Doanh thu HĐTC	7.91	6.05	30.8%	10.3	12.2	-15.1%
Chi phí TC	0.80	1.81	-55.9%	4.12	3.37	22.3%
Chi phí lãi vay	-0.08	0.22	-137%	0	0.33	-100%
LN trong công ty LKLD	**0.47**	**0.15**	**212%**	**0.77**	**0.19**	**300%**
Chi phí bán hàng	40.9	46.5	-12.0%	85.5	81.3	5.2%
Chi phí QLDN	**19.5**	**21.3**	**-8.4%**	**36.6**	**42.0**	**-12.8%**
LN thuần từ HĐKD	33.7	47.0	-28.4%	75.5	83.7	-9.8%
Lợi nhuận khác	**0.08**	**-0.14**	**156%**	**0.01**	**-0.02**	**158%**
LN trước thuế	33.7	46.9	-28.0%	75.5	83.7	-9.7%
Lợi nhuận sau thuế	**28.1**	**37.4**	**-24.9%**	**61.4**	**66.5**	**-7.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**27.7**	**36.9**	**-25.0%**	**59.6**	**66.0**	**-9.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-26.4	187	2.06	94.7	-9.44	0.85
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.95	35.2	6.80	10.0	-14.1	-3.59
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	22.3	-118	0.00	-0.07	-0.08	-95.7
Tiền đầu kỳ	86.6	76.5	181	190	294	271
Lưu chuyển tiền thuần	**-10.1**	**104**	**8.86**	**105**	**-23.6**	**-98.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.02	0.02	0.03	0.03	0.04	-0.02
Tiền cuối kỳ	76.5	181	190	294	271	172

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,145**	**1,261**	**-9.2%**
Tài sản ngắn hạn	821	928	-11.5%
Tiền và tương đương tiền	172	294	-41.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	36.1	26.8	34.4%
Phải thu ngắn hạn	231	235	-1.8%
Hàng tồn kho	365	359	1.9%
Tài sản ngắn hạn khác	15.6	12.5	24.7%
Tài sản dài hạn	**325**	**333**	**-2.5%**
Phải thu dài hạn	3.78	3.79	-0.3%
Tài sản cố định	219	223	-1.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	23.1	21.6	6.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	24.2	24.4	-0.6%
Tài sản dài hạn khác	**54.3**	**60.0**	**-9.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	320	377	-15.0%
Nợ ngắn hạn	**316**	**372**	**-15.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	37.6	43.7	-13.9%
Nợ dài hạn	4.75	4.91	-3.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**825**	**884**	**-6.7%**
Vốn chủ sở hữu	**825**	**884**	**-6.7%**
Vốn điều lệ	641	641	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)